

12-GIỚI BUỒNG BÌNH

Khi Phật an trú tại nước Câu-xá-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, Trưởng lão Xiển-đà tánh ác, khó nói chuyện với thầy. Các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo, thì thầy nói một cách buồng bình: “Các Trưởng lão chớ nói tôi hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói các Trưởng lão hoặc tốt hoặc xấu. Vì sao thế? Vì các ông đều là dòng họ tạp nhạp, còn tôi là con nhà quan; ví như chim, quạ ngậm những loại xương khác nhau cùng đậu tại một chỗ, thì làm sao khuyên bảo tôi về các việc Phật Pháp Tăng. Từ khi tôi chấp nhận theo Bồ tát xuất gia, tôi thường theo hầu Ngài cho đến ngày nay, chỉ có Phật dạy tôi thì tôi mới vâng lời”. Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn nói với Xiển-đà: “Trưởng lão! Các Tỳ-kheo đã khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật, thầy đừng có làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, thầy nên làm người có thể nói chuyện được. Trưởng lão! Thầy nên khuyên bảo các Tỳ-kheo đúng theo tinh thần của giới luật và các Tỳ-kheo cũng theo đúng tinh thần của giới luật mà khuyên bảo thầy. Vì sao vậy? Vì cùng nói chuyện, cùng bàn bạc, cùng khuyên nhủ, ai có tội thì cùng phát lồ, có như thế chúng đệ tử của Như Lai mới lớn mạnh. Trưởng lão hãy từ bỏ cái tật làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được đó đi”.

Khuyên can lần thứ nhất như vậy mà không bỏ, rồi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng vẫn không bỏ, nên các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Xiển-đà tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, cho đến khuyên can ba lần vẫn không bỏ”. Phật nói với các Tỳ-kheo: “Ông Xiển-đà này tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, cho đến khuyên can ba lần vẫn không bỏ. Vậy các ông phải đi

đến chỗ vắng khuyên can ba lần. Nếu không bỏ, thì đến chỗ nhiều người khuyên can ba lần. Nhưng nếu vẫn không đình chỉ thì phải đến giữa chúng Tăng làm pháp Yết-ma cầu thỉnh, nên nói thế này:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Xiển-đà này có tính xấu, khó cùng nói chuyện. Các Tỳ-kheo như pháp khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật mà thầy lại tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được.

Thế rồi đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay nên khuyên can ở giữa Tăng ba lần, khiến cho chấm dứt việc ấy”.

Rồi khuyên can ở giữa Tăng: “Trưởng lão Xiển-đà! Có thật thầy có tính xấu khó cùng nói chuyện, rồi các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên bảo mà thầy vẫn tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được, thậm chí đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt phải không?” Nếu đáp: “Quả thật như vậy!”, thì Tăng nên khuyên can: “Trưởng lão! Thầy không nên có tính xấu khó cùng nói chuyện, nay các Tỳ-kheo như pháp khéo nói về các việc vi phạm thuộc lãnh vực giới luật, thầy đừng có tự làm cho mình thành người không ai có thể nói chuyện được”, cho đến: “Vì cùng nói chuyện, cùng bàn luận, cùng khuyên nhủ, ai có tội thì cùng xuất tội, có như thế chúng đệ tử của Như Lai mới lớn mạnh”. Nay Tăng vì lòng từ khuyên can thầy là vì muốn được lợi ích. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa thầy nên đình chỉ việc ấy”. Nếu như không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như vậy. Thế nhưng thầy vẫn ngoan cố không chấm dứt. Do đó, các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo: “Gọi Xiển-đà đến đây”.

Họ liền đi gọi đến. Rồi Phật hỏi Xiển-đà: “Có thật ông có tính xấu khó cùng nói chuyện, thậm chí được khuyên can ở giữa chúng Tăng Ba lần mà vẫn không chấm dứt chăng?”. Đáp: “Có thật như vậy”. Phật bèn khiển trách: “Xiển-đà, đó là việc xấu. Há ông không thường nghe Ta dùng nhiều nhân duyên để chê trách tính bướng bỉnh và khen ngợi tính không bướng bỉnh hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện”.

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo Xiển-đà này lại tự phụ nói: “Chỉ có Phật dạy, tôi mới nghe lời?”. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Tỳ-kheo Xiển-đà này không những ngày nay không chịu nghe lời người khác, chỉ tin lời ta, mà trong

thời quá khứ cũng đã từng như vậy”.

Các Tỳ-kheo lại bạch với Phật: “Đã từng có như vậy sao? Chúng con muốn được nghe, mong Thế Tôn hãy nói”.

Phật nói: “Đúng như vậy! Trong thời quá khứ có một trưởng giả ở thành Ba-la-nại, nước Già-thì, ông ta có một đứa nô bộc tên A-ma-do tính tình hung ác. Bấy giờ, trưởng giả cùng với những cậu con trai của các Bà-la-môn du hí tại viên lâm, thì bọn người theo hầu đều ở cả bên ngoài cổng vườn. Khi ấy, A-ma-do đang ở ngoài cổng vườn liền đánh bọn người theo hầu. Lúc ấy, mọi người theo hầu đều báo lại với chủ mình. Thế rồi, những người con của các Bà-la-môn đều ra khiển trách y. Nhưng A-ma-do không nghe lời họ, mà trả lời với những người con của các Bà-la-môn: “Ta không nghe lời các người. Khi nào chủ ta đến rầy la ta, thì ta mới chịu nghe lời”. Rồi y tiếp tục đánh không ngừng. Họ liền đến báo với chủ của A-ma-do. Chủ của A-ma-do bình sinh có thiên nhãn, ông quan sát thấy dưới chỗ đánh nhau có kho tàng vàng bạc, vì hung khí của chất vàng bạc nên khiến chúng đánh nhau. Do vậy, ông bèn đến đó, la rầy tên nô bộc. Vì vậy, y mới dừng lại”.

Bấy giờ, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Ông trưởng giả thuở ấy đâu phải ai khác mà chính là Ta đây, còn A-ma-do lúc đó, thì nay là Tỳ-kheo Xiển-đà”. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Vì sao ông Xiển-đà này y thế Thế Tôn lăng mạ người khác?”.

Phật nói: “Này các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo Xiển-đà không những ngày nay y thế Ta khinh thường người khác mà trong thời quá khứ cũng đã từng y thế Ta khinh thường người khác rồi”.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Đã từng có như vậy sao?”.

Phật nói: “Đúng như vậy. Trong thời quá khứ tại thành Ba-la-nại, nước Già Thi có một Bà-la-môn học rộng tên là Phất-lô-ê làm quân sư cho nhà Vua. Ông thường dạy năm trăm đồng tử học tập. Khi ấy, kẻ gia nô của ông vừa sinh được một bé trai tên là Ca-la-ha. Chủ nhà sai y phục dịch cho các đồng tử. Theo phép tắc của Bà-la-môn thì những chủng tộc khác không được phép nghe (những giáo lý của họ), nhưng vì tên nô bộc này gần gũi cung phụng các đồng tử, nên được ở gần họ. Do đó, khi Bà-la-môn dạy các đồng tử, thì tên nô bộc sáng dạ này ghi nhớ hết những điều ông giảng dạy. Thế rồi, một hôm, y có chút xích mích với các đồng tử, bèn bỏ sang nước khác, mạo xưng mình là con trai của Bà-la-môn Phất-lô-ê, tên Da-nhã-đạt-đa, và nói với Bà-la-môn quân sư của quốc vương đó: “Tôi là con trai của Phất-lô-ê, quân sư của quốc vương Ba-la-nại, vừa mới đến đây, muốn theo đại sư học giáo pháp của

Bà-la-môn”.

Thầy trả lời: “Có thể được”. Tên nô bộc này bản tính thông minh, trước đã từng nghe, nay được nghe lại nên nghe đâu nhớ đó. Thế nên ông thầy rất vui, bèn nói với y: “Ta có việc phải đi đến nhà Vua, vậy người hãy thay mặt ta dạy dỗ năm trăm đồng tử môn đồ”.

Vì ông thầy Bà-la-môn này không có con trai mà chỉ có một cô con gái, nên suy nghĩ: “Nay ta có thể gả con gái cho Da-nhã-đạt-đa, vì nó ở trong nhà ta cũng như con trai ta”.

Nghĩ thế, liền nói: “Da-nhã-đạt-đa hãy nghe ta nói đây”.

Đáp: “Xin vâng lời”.

Thầy liền nói: “Người chớ trở về Ba-la-nại mà hãy ở lại nước này. Nay ta sẽ gả con gái ta cho người”. Đáp: “Xin vâng lời”.

Ông bèn gả con. Cô gái này cùng sống với chồng tại nhà mình, khiến gia đình dần dần trở nên giàu có. Nhưng Da-nhã-đạt-đa vốn là con người khó tính, cô vợ làm thức ăn chua ngọt, mặn nhạt, sống chín không thể nào vừa miệng y, cho nên y thường ôm lòng tức giận. Thấy thế, cô vợ thường suy nghĩ: “Phải chi có người nào từ Ba-la-nại đến, ta sẽ theo họ học phương pháp nấu ăn, rồi ta áp dụng nấu nướng cung phụng chồng ta”.

Ông Bà-la-môn Phát-lô-ê nghe được sự tình ấy, liền suy nghĩ: “Tên nô bộc Ca-la Ha của ta đã trốn sang nước khác, ta phải đến đó bắt về, may ra được lại nó”. Thế rồi, ông đi đến nước ấy. Bấy giờ, Da-nhã-đạt-đa cùng các học trò đang đi đến công viên dạo chơi, giữa đường y bỗng thấy chủ cũ từ xa, nên hoảng sợ, nói nhỏ với môn đồ: “Này các đồng tử! Các người hãy trở về, ai nấy lo việc học bài”.

Khi các học trò đi rồi, y bèn đến trước mặt chủ, cúi đầu đánh lễ dưới chân, bạch với chủ: “Con đến nước này nói với họ rằng đại gia là phụ thân con, rồi tôn vị quốc sư là Bà-la-môn học rộng làm thầy để học các kinh điển cao cấp. Thầy Bà-la-môn ấy bèn đem con gái gả cho con làm vợ. Hiện giờ mong đại gia chớ nói rõ sự thật của con. Con sẽ phụng sự đại gia như đầy tớ đối với chủ”.

Ông Bà-la-môn này vốn là người hiểu rõ sự đời, liền đáp: “Người thật là con ta, hà tất phải nhiều lời. Nhưng phải tạo điều kiện để ta trở về sớm”. Tên đầy tớ bèn đưa ông về nhà giới thiệu với mọi người trong nhà: “Phụ thân tôi vừa mới đến”.

Người vợ rất vui mừng, bèn sửa soạn các thức ăn uống dâng lên thết đãi. Sau khi ăn xong, lựa lúc nhàn rỗi, cô bèn lén đánh lễ dưới chân Bà-la-môn, hỏi: “Con phụng sự chồng con là Da-nhã-đạt-đa,

thường dâng các thức ăn uống, nhưng chàng không vừa ý, xin đại gia chỉ dạy. Lúc còn ở nhà chồng con thường ăn những thứ gì, để con làm các thức ẩm thực giống như khi trước”.

Khách Bà-la-môn bèn nổi giận, nhưng kiềm chế, suy nghĩ: “Cái thằng chết bầm, làm khốn khổ con gái người ta như thế đó”, bèn nói với cô ấy: “Con hãy sắp đặt cho ta trở về sớm, đến lúc sắp đi, ta sẽ dạy con một bài kệ. Khi con đọc kệ ấy, sẽ khiến chồng con không thể nói nữa”.

Đoạn, cô ta bèn nói với chồng: “Ông cụ Bà-la-môn từ xa đến, vậy hãy sớm tiễn ông ta trở về”.

Anh chồng liền suy nghĩ: “Đúng như vợ ta nói, phải sớm tiễn ông ta trở về, không khéo ở lâu ngày lỡ nói năng sơ xuất, sẽ tổn hại đến ta không ít”.

Rồi anh ta xuất ra nhiều tiền đưa cho vợ bảo sắm thức ăn và đích thân cung phụng để mua chuộc tình cảm của chủ. Sau khi dâng thức ăn xong, cô vợ bèn đánh lễ từ biệt ông già và xin bài kệ ông đã hứa trước kia. Ông liền đọc bài kệ để dạy cho cô:

*“Cô độc tới tha phương
Lừa dối người thiên hạ
Trước ăn thức ăn thô
Đâu có chê ngon dở?”.*

Rồi bảo: “Nay ta dạy con bài kệ này, nếu khi nào nó giận dữ chê thức ăn dở, thì con hãy đứng gần nó, quay lưng lại, đọc nhỏ cho nó nghe”.

Dạy như thế rồi, ông bèn trở về lại bản quốc. Khi Da-nhã-đạt-đa tiễn chủ đi rồi, mỗi lần đến bữa ăn, y lại nổi giận. Cô vợ bèn đứng bên cạnh chồng đọc lên bài kệ ấy. Khi y nghe kệ rồi, lòng thấy không vui, liền suy nghĩ: “Ôi! Ông già quái ác này, phanh phui chuyện xấu của ta”.

Thế nên, từ đó trở đi, y thường nói năng nhã nhặn, vì sợ cô vợ nói với người khác về sự ám muội của mình.

Bấy giờ, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Bà-la-môn Phát-lô-ê của nước Ba-la-nại thuở ấy nào phải là ai khác mà chính là Ta đây, còn tên nô bộc Ca-la-ha lúc ấy thì nay là Tỳ-kheo Xiển-đà vậy. Thuở ấy, y đã từng ý thể Ta mà lăng mạ người khác, thì nay y lại ý thể Ta mà khinh miệt tha nhân”.

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Câu-xá-di phải tập hợp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại và chế giới:

“Nếu Tỳ-kheo nói những lời hung ác, rồi được các Tỳ-kheo như

pháp như luật khuyên can, bèn nói một cách bướng bỉnh: “Các ông chớ nói với tôi hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không nói với các ông hoặc tốt hoặc xấu”, thì các Tỳ-kheo phải khuyên can Tỳ-kheo này: “Trưởng lão! Các Tỳ-kheo như pháp như luật khuyên bảo, thầy chớ có bướng bỉnh mà nên vâng lời. Thầy cũng như pháp như luật mà khuyên bảo các Tỳ-kheo. Vì sao vậy? Vì các đệ tử của Đức Như Lai có chỉ bảo lẫn nhau, khuyên can lẫn nhau, ai có tội thì cùng phát lồ, thì pháp thiện mới tăng trưởng”.

Khi các Tỳ-kheo khuyên can Tỳ-kheo ấy nên bỏ việc đó, nhưng nếu không bỏ thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa”.

GIẢI THÍCH:

- Tỳ-kheo dùng những lời nói bướng bỉnh: Chỉ cho Tỳ-kheo Xiển-đà.

- Các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo: Đó là: Bài tựa của giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất Định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, pháp Chúng học, bảy pháp Diệt Tránh, pháp Tùy Thuận; dùng các pháp luật này mà khuyên bảo lẫn nhau. Lại dùng năm chúng tội, bốn chúng tội, ba chúng tội, hai chúng tội, một chúng tội và sáu pháp Tác xả để khuyên bảo lẫn nhau. Lại dùng các tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề cho đến tội Việt-tỳ-ni, có thật chứ không phải không có thật, đúng lúc chứ không phải không đúng lúc, có lợi ích chứ không phải không có lợi ích, nói nhả nhận chứ không phải nói thô lỗ, vì tâm từ chứ không phải cố ý vạch lỗi; đó gọi là như pháp, như luật khuyên bảo lẫn nhau.

- Thầy Tỳ-kheo ấy: Tức là Xiển-đà.

- Các Tỳ-kheo: Đó là một người, nhiều người và chúng Tăng.

- Ba lần khuyên can: Khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, và khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

- Chỗ vắng: Người khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi như sau: “Trưởng lão! Thầy có thật dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên can, thì thầy tỏ ra ương ngạnh chăng?” Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì liền khuyên can: “Trưởng lão! Thầy chớ có dùng những lời nói ngang bướng. Khi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên can thì thầy nên nghe lời, thầy chớ có tỏ ra ương ngạnh... cho đến “Khuyên bảo lẫn nhau thì pháp thiện được tăng trưởng. Tôi nay vì lòng từ khuyên bảo thầy nên bỏ việc ấy đi. Một lần khuyên can đã

xong, còn hai lần khuyên can nữa”. Nếu không bỏ, thì lần thứ hai, thứ ba cũng khuyên can như thế. Rồi lại khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như thế. Nhưng nếu vẫn không chấm dứt, thì phải đem đến giữa Tăng làm pháp Yết-ma cầu thỉnh, tác bạch như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Thầy Tỳ-kheo mõ giáp này dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo vẫn không nghe lời. Ông đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không chấm dứt. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay nên khuyên can ở giữa Tăng ba lần khiến cho thầy chấm dứt việc ấy”.

Bấy giờ, Tăng liền hỏi: “Trưởng lão có thật dùng những lời nói ngang bướng, rồi các Tỳ-kheo như pháp, như luật khuyên bảo mà không nghe lời, lại được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn ngoan cố không nghe lời phải không?”. Nếu đáp: “Có thật như vậy”, thì Tăng nên khuyên can: “Trưởng lão chớ có tỏ ra ương ngạnh. Các Tỳ-kheo đã như pháp, như luật khuyên can, cho đến “khuyên bảo lẫn nhau thì pháp thiện được tăng trưởng”. Nay Tăng vì lòng từ khuyên can thầy là muốn được lợi ích, vậy thầy nên nghe lời chúng Tăng mà bỏ việc ấy đi. Tăng khuyên can một lần đã xong, còn hai lần khuyên can nữa”. Nếu không chấm dứt thì phải khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba, nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo ấy đã được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không chấm dứt thì mỗi lần khuyên can phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni. Khi khuyên can ở giữa Tăng lần đầu chưa xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi Yết-ma lần đầu xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi Yết-ma lần thứ hai chưa xong cũng phạm tội Việt-tỳ-ni, và khi xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng khi Yết-ma lần thứ ba chưa xong thì phạm tội Thâu-lan-giá và khi nói xong thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa khởi đi từ lúc khuyên can ở chỗ vắng, cho đến khuyên can ở giữa chúng Tăng có các tội Việt-tỳ-ni, Thâu-lan-giá, gộp tất cả các tội ấy thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu trường hợp đình chỉ nửa chừng, thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở chỗ đó. Thế nên Đức Thế Tôn nói:

“Nếu Tỳ-kheo tự mình nói những lời ngang bướng, cho đến khuyên can Ba lần mà không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa”.

(Hết giới Tăng tàn thứ mười hai)